TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2018/QĐST-HNGĐ	*Lâm Bình, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 21/2015/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2015, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện L (Do ông Tô Mạnh T làm đại diện theo ủy quyền).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Vũ Đình T và chị Ma Thị H thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Vũ Thùy N, sinh ngày 04/11/2002 (hiện nay cháu N đang ở với anh T) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ma Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Ma Thị H và anh Vũ Đình T cùng thống nhất tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Ma Thị H và anh Vũ Đình T thống nhất thỏa thuận anh T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn mang tên Ma Thị H (mã khách hàng 2300041439) với số tiền gốc 58.000.000đ (*năm mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng chính sách xã hội huyện L (do ông Tô Mạnh T làm đại diện theo ủy quyền) nhất trí để anh Vũ Đình T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn mang tên Ma Thị H, mã khách hàng 2300041439.

- *Về án phí:* Chị Ma Thị H nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ma Thị H đã nộp là 11.851.000 *(Mười một triệu tám trăm năm mốt nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 004682 ngày 28/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, hoàn trả cho chị Ma Thị H số tiền chênh lệch còn lại là 11.701.000đ *(Mười một triệu bảy trăm linh một nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND xã T (biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc